BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KT HƯNG YÊN
Số: 243 /TB-ĐHSPKTHY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hưng Yên, ngày 12 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2022

1. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo 04 phương thức:

1- Tuyển thẳng; Xét tuyển kết hợp (cụ thể trong mục 7);

2- Dựa vào kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy năm 2022 do Trường Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức, Kỳ thi đáng giá năng lực năm 2022 do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức;

3- Dựa vào kết quả thi của thí sinh tham dự Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022;

4- Dựa vào kết quả học tập lớp 12 hoặc lớp 11 ghi trong học bạ THPT (hoặc tương đương);

4. Chỉ tiêu tuyển sinh: 3.100 (Phương thức 1 và 2: 620; Phương thức 3: 1.260; Phương thức 4: 1.220). Nhà trường có 100 chỉ tiêu dành cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin; sinh viên được cấp bằng đại học quốc tế của Trường Đại học Sun Moon – Hàn Quốc (02 năm học tại trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, 02 năm học tại Đại học Sun Moon – Hàn Quốc) và một số chỉ tiêu dành cho lưu học sinh Lào.

5. Các thông tin cần thiết để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

5.1. Mã trường: SKH

5.2. Mã ngành, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển

TT	Mã ngành đào tạo	Tên ngành đào tạo	Chỉ tiêu	Cơ sở đào tạo	Tổ hợp xét tuyển	
					Phương thức 3,4	Phương thức 2
1	7480201	Công nghệ thông tin (03 chuyên ngành: Đồ họa Đa phương tiện; Mạng máy tính và Truyền thông; Phát triển ứng dụng IoT)	215	2,3	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
2	7480101	Khoa học máy tính (03 chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo và Xử lý ngôn ngữ tự nhiên; Trí tuệ nhân tạo và Nhận dạng hình ảnh)	60	2,3	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
3	7480103	Kỹ thuật phần mềm (03 chuyên ngành: Công nghệ Web; Công nghệ di động; Kiểm thử và Đảm bảo chất lượng phần mềm)	215	2,3	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
4	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (05 chuyên ngành: Kỹ thuật điện lạnh công nghiệp và dân dụng; Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Điện tử viễn thông; Hệ thống điện)	300	1	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
5	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (02 chuyên ngành: Tự động hóa công nghiệp; Điều khiển tự động)	320	1	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
6	7510202	Công nghệ chế tạo máy	100	1	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
7	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (02 chuyên ngành: Tự động hóa thiết kế công nghệ cơ khí; Công nghệ Hàn)	140	1	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
8	7520118	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (02 chuyên ngành: Thiết kế và điều khiển hệ thống thông minh; Quản lý hệ thống công nghiệp)	30	1	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
9	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	250	1	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01

TT	Mã ngành đào tạo	Tên ngành đào tạo	Chỉ tiêu	Cơ sở đào tạo	Tổ hợp xét tuyển	
					Phương thức 3,4	Phương thức 2
10	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô (02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô; Cơ điện tử ô tô và xe chuyên dụng)	360	1	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
11	7510211	Bảo dưỡng công nghiệp	20	1	A00; A01 D01; D07	
12	7510210	Điện lạnh và điều hòa không khí	70	1	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
13	7140246	Sư phạm công nghệ	20	1	A00; A01 D01; D07	
14	7540209	Công nghệ may (02 chuyên ngành: Công nghệ may; Thiết kế thời trang)	180	2,3	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
15	7340123	Kinh doanh thời trang và Dệt may (02 chuyên ngành: Kinh doanh thời trang; Quản lý đơn hàng dệt may)	100	2	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
16	7340101	Quản trị kinh doanh (02 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh công nghiệp; Marketing sản phẩm và dịch vụ)	200	1,2,3	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
17	7340301	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	180	1,2,3	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
18	7310101	Kinh tế (Kinh tế đầu tư)	100	1,2,3	A00; A01 D01; D07	K00; K01 T01
19	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học (02 chuyên ngành: Kỹ thuật hóa học ứng dụng, Kỹ thuật môi trường)	20	1	A00; A02 B00; D07	
20	7540103	Công nghệ hóa thực phẩm (02 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Quản lý chất lượng)	20	1	A00; A02 B00; D07	
21	7220201	Ngôn ngữ Anh (03 chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh; Tiếng Anh Thương mại; Biên phiên dịch)	200	1,2,3	A01; D01 D09; D10	K02
Tổng số:			**3.100**			

Tổ hợp xét tuyển:

Theo phương thức 2:

K00: Toán, Đọc hiểu, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh
K01: Toán, Đọc hiểu, Khoa học tự nhiên
K02: Toán, Đọc hiểu, tiếng Anh
} (Kỳ thi đánh giá tư duy – Tr ĐHKBHN)

T01: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học (Kỳ thi đánh giá năng lực– ĐHQGHN)

Theo phương thức 3,4:

A00: Toán, Vật lý, Hóa học; A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh; A02: Toán, Vật lý, Sinh học;
B00: Toán, Hóa học, Sinh học; D01: Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn; D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh;
D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh; D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh.

Cơ sở đào tạo:

(1): Cơ sở Khoái Châu: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

(2): Cơ sở Mỹ Hào: Phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

(3): Cơ sở Hải Dương: Phường Tân Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Thí sinh trúng tuyển các ngành có đào tạo ở 2 hoặc 3 cơ sở được quyền lựa chọn địa điểm nhập học và học tập.

6. Học phí áp dụng cho năm học 2022-2023 (dự kiến):

- Sinh viên khối ngành công nghệ, kỹ thuật: 14,5 triệu đồng/sinh viên/năm học;
- Sinh viên khối ngành kinh tế, ngoại ngữ: từ 12,0 đến 12,5 triệu đồng/sinh viên/năm học;
- Sinh viên sư phạm được Nhà nước cấp bù học phí và các chế độ theo quy định.

7. Chính sách ưu tiên:

- Chính sách ưu tiên theo khu vực, đối tượng thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển thẳng theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT), cụ thể:

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GDĐT tổ chức; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội cử đi; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

Các thí sinh thuộc diện trên được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp, đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của pháp luật) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, đoạt giải.

+ Trường hợp khác (nếu có): Thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.

- Xét tuyển kết hợp:

+ Ưu tiên xét tuyển thẳng đối với các thí sinh có chứng chỉ IELTS đạt từ 6.0 trở lên (hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương) và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) của ngành đào tạo theo hình thức xét tuyển.

+ Ưu tiên xét tuyển thẳng đối với các thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT hoặc cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) của ngành đào tạo theo hình thức xét tuyển. Những thí sinh này được xét tuyển vào theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh đã đoạt giải.

8. Học bổng và lớp sinh viên tài năng (SVTN): Chỉ xét với những thí sinh được xét tuyển thẳng; xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022; theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy năm 2022.

- Nhà trường xét dựa trên tổng điểm thi của các môn trong tổ hợp xét tuyển (không tính điểm ưu tiên KV, ĐT) như sau:

TT	Điểm xét tuyển / Nội dung	Tổng điểm thi của các môn trong tổ hợp xét tuyển		
		Kỳ thi tốt nghiệp THPT (Thang điểm 30)	Kỳ thi đánh giá tư duy (Thang điểm 30)	Kỳ thi đánh giá năng lực (Thang điểm 150)
1.	**Học bổng**			
1.1	Mức 1: bằng mức học phí 04 năm học	>= 27 điểm	>= 25 điểm	>= 120 điểm
1.2	Mức 2: bằng mức học phí 02 năm học đầu	Từ 26 - 26,9 điểm	Từ 24 - 24,9 điểm	Từ 100 - dưới 120 điểm
2.	**Sinh viên tài năng**	>= 21 điểm	>= 20 điểm	>= 90 điểm

Những sinh viên được hưởng học bổng phải đạt điểm TBC học tập theo từng năm học từ 7,00 trở lên và kết quả rèn luyện đạt loại Tốt trở lên để được xét cấp học bổng năm tiếp theo.

- Năm 2022 Nhà trường có 04 lớp SVTN thuộc các ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Khoa học máy tính; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật ô tô. Mỗi lớp có sĩ số từ 20 đến 25 sinh viên. Các lớp SVTN được giảng viên có trình độ cao (GS, PGS, TS) trực tiếp giảng dạy, được miễn phí phòng ở trong ký túc xá. Hằng năm Nhà trường có quỹ học bổng khoảng 1 tỷ đồng dành riêng cho các lớp SVTN.

Các thí sinh tuyển thẳng sẽ được ưu tiên chọn đặc cách vào lớp sinh viên tài năng.

9. Cách thức, thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)

9.1. Thí sinh xét tuyển thẳng: Thực hiện theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.2. Thí sinh xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022:

- Đăng ký theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT quy định *(đối với xét tuyển đợt 1)*;
- Đăng ký trực tuyến qua các cổng thông tin của Trường (website, fanpage), nộp trực tiếp tại 3 cơ sở đào tạo của Trường hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện *(đối với xét tuyển các đợt tiếp theo)*;

9.3. Thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập của năm lớp 12 hoặc lớp 11 THPT (hoặc tương đương):

- Nộp trực tiếp tại 3 cơ sở đào tạo của Trường hoặc qua đường bưu điện;
- Đăng ký trực tuyến qua các cổng thông tin của Trường (website, fanpage);
- Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT dự kiến theo từng đợt như sau:

+ Đợt 1: Từ 01/3/2022 đến 30/6/2022
+ Đợt 2: Từ 01/7/2022 đến 31/7/2022
+ Đợt 3: Từ 01/8/2022 đến 31/8/2022
+ Đợt 4: Từ 01/9/2022 đến 15/9/2022
+ Các đợt tiếp theo nếu còn chỉ tiêu xét tuyển;

Kết thúc mỗi đợt nhận hồ sơ xét tuyển, Nhà trường sẽ công bố kết quả thí sinh đủ điều kiện sơ tuyển (hoặc trúng tuyển). Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2022, giấy báo nhập học sẽ được cấp khi thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT.

9.4. Thí sinh xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực năm 2022, Kỳ thi đánh giá tư duy năm 2022

- Kỳ thi đánh giá năng lực năm 2022: Nộp trực tiếp tại 3 cơ sở đào tạo của Trường hoặc qua đường bưu điện hoặc đăng ký trực tuyến qua website, fanpage của Trường;

Thời gian nhận hồ sơ ĐKXT:

* Đợt 1: Từ 18/4/2022 đến 30/6/2022;
* Đợt 2: Từ 01/7/2022 đến 31/7/2022;

- Kỳ thi đánh giá tư duy năm 2022: Đăng ký theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT quy định *(đối với xét tuyển đợt 1).* Đăng ký trực tuyến qua các cổng thông tin của Trường (website, fanpage), nộp trực tiếp tại 3 cơ sở đào tạo của Trường hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện *(đối với xét tuyển các đợt tiếp theo);*

10. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

10.1. Xét tuyển thẳng: Theo quy định của Bộ GD&ĐT. Xét tuyển kết hợp:

- Bản sao chứng chỉ ngoại ngữ, chứng nhận đoạt giải các kỳ thi;
- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2022 *(Thí sinh có thể nộp bổ sung sau nếu ĐKXT trước khi có kết quả tốt nghiệp năm 2022);*
- Phiếu ĐKXT theo mẫu của Trường Đại học SPKT Hưng Yên.

10.2. Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT:

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (Phiếu điểm);
- Phiếu ĐKXT theo mẫu của Trường Đại học SPKT Hưng Yên.

10.3. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 11 hoặc lớp 12 THPT:

- Bản sao Học bạ THPT (hoặc tương đương);
- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2022 *(Thí sinh có thể nộp bổ sung sau nếu ĐKXT trước khi có kết quả tốt nghiệp năm 2022);*
- Phiếu ĐKXT theo mẫu của Trường Đại học SPKT Hưng Yên.

Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có): Áp dụng cho cả các mục 10.1; 10.2; 10.3

Thí sinh có thể tải mẫu phiếu ĐKXT trên website và fanpage của Nhà trường.

10.4. Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực năm 2022, Kỳ thi đánh giá tư duy năm 2022:

- Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi đánh giá năng lực/Phiếu kết quả kỳ thi đánh giá tư duy;
- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2022 *(Thí sinh có thể nộp bổ sung sau nếu ĐKXT trước khi có kết quả tốt nghiệp năm 2022);*
- Phiếu ĐKXT theo mẫu của Trường Đại học SPKT Hưng Yên.

11. Điều kiện xét tuyển

- Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT: Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên. Riêng đối với ngành Sư phạm công nghệ, thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngưỡng đảm bảo chất lượng được Nhà trường công bố sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2022 (trên cơ sở quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022);

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 hoặc lớp 11 ghi trong học bạ THPT (hoặc tương đương): Tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp dùng để xét tuyển + điểm ưu tiên khu vực, đối tượng ≥ 19,0. Riêng đối với ngành Sư phạm công nghệ (chỉ xét kết quả học tập lớp 12): Học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực năm 2022: Tổng điểm thi >=60 điểm.

- Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy năm 2022: Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên. Ngưỡng đảm bảo chất lượng được Nhà trường công bố sau khi có kết quả của kỳ thi.

Một số nội dung có thể được thay đổi sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học năm 2022.

12. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ và thông tin tuyển sinh

- Thí sinh gửi qua bưu điện về Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học SPKT Hưng Yên, địa chỉ: xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Thí sinh nộp trực tiếp tại các điểm nhận hồ sơ xét tuyển ở 3 cơ sở đào tạo:

+ Cơ sở Khoái Châu: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0221.3.689.888
+ Cơ sở Mỹ Hào: Phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0221.3.689.555
+ Cơ sở Hải Dương: Phường Tân Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương ĐT: 0221.3.689.333

Nhà Trường có đủ chỗ ở trong ký túc xá cho sinh viên tại Cơ sở Khoái Châu và Cơ sở Mỹ Hào. Thông tin chi tiết trên website: http://www.utehy.edu.vn; http://www.tuyensinh.utehy.edu.vn; Fanpage: http://www.facebook.com/DaihocSuphamKythuatHungYen

Nơi nhận:
- Các đơn vị trong toàn trường;
- Đăng website, fanpage;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN

PGS.TS. Bùi Trung Thành